

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 17-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lâm và ông Lê Việt Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2023/HSST ngày 30-11-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị N, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn L, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hùng V và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Trịnh Hồng T và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Nguyễn Thị D, sinh năm 1960; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn L, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trình độ văn hoá: 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị H (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Văn C và 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Phạm Văn C, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn L, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn H và bà Phạm Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Y và 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 01/02/2018 bị Công an huyện Tứ Kỳ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép, đã chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2018.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 14/10/2023 đến ngày 29/11/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị D:* Bà Nguyễn Thị Liên - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương, có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn O, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Phạm Ngọc D1, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn O, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Ông Đ, ông C1, anh D1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị N bán đồ ăn vặt ở ven đường tỉnh 3... gần cổng làng thôn L, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chiều ngày 18/8/2023, khi N đang bán hàng thì có một nam thanh niên khoảng 30 tuổi (*không rõ tên tuổi, địa chỉ*) đến thuê N bán các số lô, số đề và thoả thuận N sẽ được hưởng 5.000 đồng/100.000 đồng khi bán các số lô và 15.000 đồng/100.000 đồng khi bán các số đề đồng thời thống nhất 18 giờ hàng ngày sẽ gặp nhau ở khu vực cổng làng thôn L, xã H, huyện Tứ Kỳ để N giao cho người này bằng số lô, số đề bán được trong ngày, thanh toán tiền công cho N vào chiều ngày hôm sau, N đồng ý.

Hình thức đánh bạc bằng việc bán số lô, số đề như sau: Đề 02 số là số tự nhiên có 02 chữ số bất kỳ do người mua chọn, nếu 02 số đó trùng với 02 số cuối cùng của giải đặc biệt trong kết quả Xổ số kiến thiết miền Bắc (*mở thưởng vào khoảng 18 giờ 15 phút hàng ngày*) thì người mua sẽ thắng và được số tiền gấp 70 lần số tiền mua đề; nếu không trùng thì mất số tiền mua. Đề 03 số (*thường gọi là “ba càng”*) là số tự nhiên có 03 chữ số bất kỳ do người mua chọn, nếu 03 chữ số đó trùng với 03 số cuối cùng của giải đặc biệt Xổ số kiến thiết miền Bắc thì người mua sẽ thắng và được số tiền gấp 400 lần số tiền mua; nếu không trùng thì mất số tiền mua. Lô thường là số tự nhiên có 02 chữ số; người mua sẽ mua theo điểm, mỗi điểm tương ứng 20.000 đồng. Nếu kết quả các giải Xổ số kiến thiết miền Bắc có 02 số cuối trùng với số người mua chọn thì người mua thắng và được số tiền gấp 3,5 lần số tiền mua (*nếu trùng 1 lần, hay còn gọi là “1 nháy”*), nếu trùng nhiều lần thì sẽ được số tiền là: Số lần trùng X (*nhân*) 3,5 X (*nhân*) Số tiền mua; nếu không trùng thì mất số tiền mua. Lô xiên 02 tức là 02 số tự nhiên có 02 chữ số bất kỳ do

người mua chọn, được tính theo số tiền mua. Nếu kết quả các giải Xổ số kiến thiết miền Bắc (*tính 02 số cuối cùng*) trùng với 02 số người mua chọn thì thắng và được số tiền gấp 10 lần số tiền đã mua; nếu không trùng thì mất số tiền mua. Lô xiên 3 tức là 03 số tự nhiên có 02 chữ số bất kỳ do người mua chọn. Nếu kết quả các giải Xổ số kiến thiết miền Bắc (*tính 02 số cuối cùng*) trùng với 03 số người mua chọn thì thắng và được số tiền gấp 40 lần số tiền mua; nếu không trùng thì mất số tiền mua.

Khoảng 17 giờ 31 phút ngày 19/8/2023, Phạm Văn C sử dụng điện thoại Iphone X, màu sơn đen, lắp sim số 0987.763.... đăng nhập vào tài khoản Zalo tên “*Từ Bỏ Cờ Bạc*” nhắn tin đến tài khoản Zalo tên “*Dack*” của Trần Thị N để mua hai số lô 22 và 76, mỗi số 100 điểm (*Mỗi điểm lô 20.000 đồng*); Các số đề 24, 42 mỗi số với số tiền 100.000 đồng, N đồng ý bán. Tổng số tiền C mua các số lô, số đề của N là 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), C chưa thanh toán tiền cho N.

Khoảng 17 giờ 55 phút ngày cùng ngày, Nguyễn Thị D sử dụng chiếc iPad Air 2, vỏ màu đen, lắp sim số 0705.601..... chụp ảnh 02 tờ giấy có ghi các số lô, số đề D cần mua rồi đăng nhập vào tài khoản Zalo tên “*Ly Nguyen*” nhắn tin gửi 02 hình ảnh có ghi các số lô, số đề này đến tài khoản Zalo tên “*Dark*” của N mua các số lô, số đề, cụ thể: Các số lô 18, 19, 68, 86 mỗi số 01 điểm; Các số lô 69, 14, 41, 46, 96, 25, 52 mỗi số 02 điểm; Các số lô 42, 20 mỗi số 2,5 điểm; số lô 64 mua 4,5 điểm; Các số lô 49, 97, 34, 43, 65 mỗi số 05 điểm; Các số lô 94, 65, 54, 45, 81, 67 mỗi số 10 điểm; Các số lô 80, 91 mỗi số 11 điểm; Số lô 88 mua 15 điểm; Số lô 47 mua 16 điểm; Các số lô 74, 76, 56, 57 mỗi số 20 điểm; Số lô 78 mua 22,5 điểm; Số lô 26 mua 27,5 điểm; Số lô 87 mua 57,5 điểm; Số lô 79 mua 125 điểm; Số lô 22 mua 50 điểm; Số lô 75 mua 140 điểm; Các số lô 58, 85 mỗi số 300 điểm. Tổng các số lô D mua của N là 1.268 điểm, mỗi điểm tương ứng 20.000 đồng = 25.360.000 đồng. Số lô xiên hai (19, 87) với số tiền 400.000 đồng. Các số đề 2 số 50, 51, 52, 53, 57, 58, 05, 15, 25, 35, 55, 85, 95 mỗi số mua 14.000 đồng; Các số đề 08, 30, 31, 32, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 70, 71, 72, 73, 76 mỗi số mua 55.000 đồng. Các số đề 45, 56, 65 mỗi số mua 25.000 đồng; Số đề 22 mua 167.000 đồng; Số đề 54 mua 36.000 đồng; Số đề 45 mua 35.000 đồng; Số đề 74 mua 176.000 đồng; Số đề 88 mua 121.000 đồng; Các số đề 46, 08, 35 mỗi số mua 13.000 đồng; Số đề 44 mua 11.000 đồng; Số đề 47 mua 110.000 đồng; Số đề 75 mua 80.000 đồng; Số đề 55 mua 19.000 đồng; Số đề 87 mua 22.000 đồng; Số đề 59 mua 27.000 đồng; Số đề 79 mua 82.000 đồng; Số đề 80 mua 27.000 đồng; Các số đề 77, 33 mỗi số mua 440.000 đồng; Số đề 78 mua 77.000 đồng; Các số đề 3 số (*ba càng*): 854 mua 11.000 đồng; 855, 755, 877 mỗi số mua 5.000 đồng; 567, 763 mỗi số mua 11.000 đồng. Tổng số tiền D mua số đề là 3.039.000 đồng N đồng ý. Như vậy, tổng số tiền D mua số lô, số đề của N ngày 19/8/2023 là 28.799.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng*). D chưa trả tiền cho N.

Đến 18 giờ 10 phút cùng ngày, sau khi ghi các số lô, số đề đã bán cho Phạm Văn C và Nguyễn Thị D vào tờ giấy (*Bảng lô, đề*), Trần Thị N mang ra khu vực gần công làng thôn L, xã H để chuyển cho nam thanh niên đã thuê N bán số lô, số đề.

Đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng vào 18 giờ 15 phút ngày 19/8/2023 xác định: C thắng số lô 76 với 100 điểm được 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Số tiền này N đã trừ vào số tiền 4.200.000 đồng mà C mua các số lô, số đề trên và số tiền C vay của N trước đó hết. Tổng số tiền đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề giữa Trần Thị N và Phạm Văn C ngày 19/8/2023 là 11.200.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm nghìn đồng*). D thắng các số lô 34, 43, 45, 69, 76, 86, 87, 88 với tổng 115,5 điểm được số tiền 8.085.000 đồng và thắng số đề 30 với số tiền mua 55.000 đồng được 3.850.000 đồng. Tổng số tiền D thắng các số lô, số đề là 11.935.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng*). Tổng số tiền đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề giữa N và D ngày 19/8/2023 là 40.734.000 đồng (*Bốn mươi triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*). Như vậy, tổng số tiền N đánh bạc với C và D vào ngày 19/8/2023 là 51.934.000 đồng (*Năm mươi một triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

Khoảng 15 giờ ngày 20/8/2023, N đến nhà D để thanh toán tiền mua, bán số lô, số đề giữa N và D vào ngày 19/8/2023. Sau khi đối trừ số tiền D trúng các số lô, số đề 11.935.000 đồng. D đã trả cho N số tiền 16.864.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*). Khoảng 16 giờ cùng ngày, N gặp và chuyển số tiền 16.864.000 đồng cho nam thanh niên nhờ N bán số lô, số đề tại đường tỉnh 391, khu vực thuộc địa phận xã H, huyện Tứ Kỳ thì người này đưa lại số tiền công N bán các số lô, số đề của ngày 19/8/2023 là 2.013.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười ba nghìn đồng*).

Tiếp đó, khoảng 13 giờ 03 phút ngày 20/8/2023, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967, trú tại: Thôn O, xã H sử dụng chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 vỏ màu vàng, lắp sim số 0986.414.213 nhắn tin đến đến số điện thoại 0921.456.... của N để mua các số lô 07, 67 với số tiền 500.000 đồng/1 số (*tương ứng mỗi số lô 25 điểm*); mua số đề 76 với số tiền 10.000 đồng. N đồng ý bán nên nhắn tin lại: “OK”. Tổng số tiền Nguyễn Văn Đ mua các số lô, số đề trên của N là 1.010.000 đồng (*Một triệu không trăm mười nghìn đồng*). Đ chưa trả tiền cho N.

Khoảng 16 giờ 46 phút cùng ngày, Phạm Văn C1, sinh năm 1965, trú tại: Thôn L, xã H sử dụng chiếc điện thoại Samsung A51, màu đen, lắp sim số 0977.177.685 đăng nhập vào tài khoản Zalo tên “*Chuyen Pham*” nhắn tin đến tài khoản Zalo tên “*Dack*” của N để mua các số lô, số đề gồm: Các số lô xiên ba: (54, 67, 68); (97, 72, 50); (07, 63, 81) với số tiền 20.000 đồng/1 số; mua các số lô 54, 67, 68, 96, 72, 50, 07, 63, 81 với số tiền 100.000 đồng/1 số (*tương ứng mỗi số lô 5 điểm*); mua các số lô 54, 81 với số tiền 200.000 đồng/1 số (*tương ứng mỗi số lô 10 điểm*); các số đề 73, 58 với số tiền 20.000 đồng/1 số; mua số đề 54 với số tiền 50.000 đồng. N đồng ý bán các số lô, số đề và nhắn tin lại với nội dung “OK”. Tổng số tiền Phạm Văn C1 mua các số

lô, số đề trên của N là 1.450.000 đồng (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). C1 chưa trả tiền cho N.

Khoảng 17 giờ 07 phút cùng ngày, Phạm Văn C nhắn tin từ tài khoản Zalo tên “*Từ Bỏ Cờ Bạc*” đến tài khoản Zalo tên “*Dack*” của N để mua các số lô 00, 19 với số tiền 1.000.000 đồng/1 số lô (*tương ứng mỗi số lô 50 điểm*) N đồng ý bán. Tổng số tiền Phạm Văn C mua các số lô trên của N là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). C chưa trả tiền cho N.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, N đang bán hàng tại ven đường tỉnh 391, khu vực gần công làng thôn L, xã H thì Phạm Ngọc D1, sinh năm 1997, trú quán: Thôn O, xã H đến hỏi mua các số lô, số đề, gồm: Các số lô 28, 36, 54, 75, 39 với số tiền 400.000 đồng/1 số lô (*tương ứng mỗi số lô 20 điểm*); số lô 34 với số tiền 200.000 đồng (*tương ứng mỗi số lô 10 điểm*); các số đề 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88 với số tiền 20.000 đồng/1 số đề và số đề 99 với số tiền 10.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Ngọc D1 mua các số lô, số đề trên của N là 2.370.000 đồng. N đồng ý bán và ghi các số lô, số đề D1 mua ra 01 tờ giấy màu nâu (*Cáp lô đề*), ghi xong N đưa cho D1 xem, thấy đúng các số cần mua nên D1 trả cho N số tiền 2.370.000 đồng. Khi N vừa nhận tiền và cất tiền vào túi quần thì bị tổ công tác Công an huyện Tứ Kỳ kiểm tra, phát hiện lập biên bản vụ việc thu giữ của Phạm Ngọc D1 tờ cáp ghi các số lô, số đề; Trần Thị N tự nguyện giao nộp số tiền 2.370.000 đồng là tiền bán số lô, số đề cho D1; 01 (*Một*) điện thoại Redmi 9C, vỏ màu xanh lấp sim số 0921.456.... và 0878.110.... cùng 01 (*Một*) chiếc bút bi mực màu xanh là công cụ N dùng để bán các số lô, số đề.

Như vậy, tổng số tiền Trần Thị N bán số lô, số đề cho Phạm Văn C1, Phạm Văn C, Nguyễn Văn Đ và Phạm Ngọc D1 vào ngày 20/8/2023 là 6.830.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tại bản kết luận giám định số 250 ngày 24/9/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Số tiền 2.370.000 đồng, gồm: 07 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 07 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 06 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng, 05 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng đều là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKSTK ngày 29-11-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố các bị cáo Trần Thị N về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS, Nguyễn Thị D, Phạm Văn C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên toà: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS đối với Trần Thị N; khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo D, C; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo D; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo D, C;

Xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 36 đến 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng tù, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tù, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo D, C cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 BLHS; Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị N, Phạm Văn C mỗi bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp vào ngân sách Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị D.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước 2.370.000 đồng thu giữ của Trần Thị N. Truy thu của Trần Thị N 32.999.000 đồng; của Nguyễn Thị D 11.935.000 đồng, của Phạm Văn C 9.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ 1.010.000 đồng; ông Phạm Văn C 1.450.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước. Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Redmi 9C của N, 01 Ipad Air 2 màu đen của D, 01 điện thoại di động Iphone X của C; tịch thu tiêu hủy 01 bút bi màu xanh, 02 sim điện thoại số 0921.456.... và số 0878.110.... của N, 01 sim điện thoại số 0987.763.... đồng của C; các bị cáo N, C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo D.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo D bà Nguyễn Thị Liên xác định VKSND huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo về tội danh là chính xác. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo có bố đẻ là người có công được tặng thưởng huân chương, bị cáo là người khuyết tật nặng, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 13 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Bị cáo D nhất trí với bài bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo N, C thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, vật chứng thu giữ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 19/8/2023, khu vực cổng làng thôn L, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Trần Thị N có hành vi mua, bán số lô, số đề với Phạm Văn C với số tiền 11.200.000 đồng, với Nguyễn Thị D với số tiền 40.734.000 đồng. Chiều ngày 20/8/2023, Trần Thị N tiếp tục đánh bạc trái phép hình thức mua, bán số lô, số đề với Phạm Văn C1 với số tiền 1.450.000 đồng; với Nguyễn Văn Đ với số tiền 1.010.000 đồng, với Phạm Văn C số tiền 2.000.000 đồng và với Phạm Ngọc D1 số tiền 2.370.000 đồng. Tổng số tiền N sử dụng để đánh bạc trái phép ngày 20/8/2023 là 6.830.000 đồng.

[3] Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 321 BLHS. Do trong hai ngày, Trần Thị N đã hai lần đánh bạc, trong đó ngày 19/8/2023, N đánh bạc với C và D với tổng số tiền đánh bạc là 51.934.000 đồng nên Trần Thị N phải chịu trách nhiệm theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS. Nguyễn Thị D đánh bạc với N ngày 19/8/2023 với tổng số tiền đánh bạc là 40.734.000 đồng, Phạm Văn C đánh bạc ngày 19/8/2023 với N là 11.200.000 đồng nên D và N phải chịu trách nhiệm theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn công cộng, làm mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do vậy, cần xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo cặp, các bị cáo đều trực tiếp tham gia đánh bạc; trong đó bị cáo Trần Thị N là người bán số lô, số đề nên bị cáo giữ vai trò chính; Nguyễn Thị D mua số lô, đề của N với tổng số tiền đánh bạc 40.734.000 đồng, Phạm Văn C là người mua số lô, số đề của N nên giữ vai trò đồng phạm thực hành.

[6] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do Trần Thị N đã hai lần đánh bạc, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngày 01/02/2018, bị cáo C tuy bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành xong quyết định tù lâu và được coi chưa có tiền sự. Các bị cáo D, C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, các bị cáo D, C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS, bị cáo D là người khuyết tật và có bố đẻ là người có công được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo N có thành tích trong việc phát hiện tố giác tội

phạm, được Công an huyện Tứ Kỳ xác nhận nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, HĐXX xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo cho phù hợp.

[7] Xét bị cáo Trần Thị N phạm tội nhiều lần, giữ vai trò chính trong vụ án nên cần thiết phải cách ly bị cáo xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Các bị cáo D, C đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định. Vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Nhưng căn cứ vào số tiền đánh bạc thì hình phạt của bị cáo D phải cao hơn bị cáo C mới đảm bảo sự công bằng.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài việc áp dụng hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo N, C theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo D là người khuyết tật nặng, không lao động được và khó khăn về kinh tế nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[9] Đối với Phạm Văn C1, Nguyễn Văn Đ, Phạm Ngọc D1 và Phạm Văn C có hành vi đánh bạc vào ngày 20/8/2023 nhưng chưa đến 05 triệu đồng, các đối tượng chưa có tiền án, tiền sự về các tội Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc nên Công an huyện Tứ Kỳ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

[10] Đối với việc Trần Thị N khai được một nam thanh niên thuê bán số lô số đề, sau khi bán được số lô số đề ngày 19/8/2023, N đã thanh toán tiền thắng thua với người mua và chuyển số tiền 16.864.000 đồng cho nam thanh niên nhờ N bán số lô, số đề tại đường tỉnh 391, thuộc địa phận xã H, huyện Tứ Kỳ thì người này đưa lại cho N tiền công bán các số lô, số đề của ngày 19/8/2023 là 2.013.000 đồng. Tuy nhiên đây chỉ là lời khai của N, ngoài ra không có tài liệu gì khác nên không có căn cứ để xử lý người này và N phải tự chịu trách nhiệm với số tiền đã thu được.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 11.200.000 đồng là tiền N và C sử dụng vào việc đánh bạc trái phép. Số tiền 40.734.000 đồng N và D sử dụng vào việc đánh bạc trái phép, sau khi đối chiếu kết quả, N đã thanh toán với C, D xong nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền N bán số lô đề cho Đ, C1, C ngày 20/8/2023 nhưng những người trên chưa trả tiền cho N nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 2.370.000 đồng do N giao nộp, đây là số tiền do N bán số lô đề cho D1 ngày 20/8/2023 nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động Redmi 9C của N, 01 Ipad Air 2 màu đen của D, 01 điện thoại di động Iphone X của C sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 bút bi màu xanh, 02 sim điện thoại số 0921.456.... và số 0878.110.... của N, 01 sim điện thoại số 0987.763.... đồng của C không còn giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[12] *Về án phí*: Các bị cáo N, D, C phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo D là người khuyết tật nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Trần Thị N; khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 đối với các bị cáo D C; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo D; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo D, C.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị D, Phạm Văn C phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Xử phạt bị cáo Trần Thị N **36** (*Ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D **21** (*Hai mươi một*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **42** (*Bốn mươi hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/01/2024.

1.3. Xử phạt bị cáo Phạm Văn C **12** (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/01/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D, Phạm Văn C cho UBND xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 BLHS đối với các bị cáo N, C. Phạt tiền bị cáo Trần Thị N 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*), bị cáo Phạm Văn C 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị D.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

- Tịch thu số tiền 2.370.000 đồng do Trần Thị N giao nộp đựng trong phong bì tiền niêm phong nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của Trần Thị N số tiền 32.999.000 đồng; Nguyễn Thị D 11.935.000 đồng, Phạm Văn C 9.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ 1.010.000 đồng, Phạm Văn C1 1.450.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước (Các bị cáo và những người trên chưa nộp số tiền trên);

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Redmi 9C vỏ màu xanh của N, 01 Ipad Air 2 màu trắng, ốp màu đen, 01 điện thoại di động Iphone X màu đen của C (các điện thoại và chiếc Ipad đều đã qua sử dụng, đã cũ); tịch thu tiêu hủy của 01 bút bi màu xanh, 02 sim điện thoại số 0921.456.... và số 0878.110.... của N, 01 sim điện thoại số 0987.763.... đồng của C.

(Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tình trạng, đặc điểm theo biên bản giao nhận giữa Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ ngày 14/12/2023).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS đối với các bị cáo; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về ... án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo N, C; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo D. Các bị cáo Trần Thị N, Phạm Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những nội dung có liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Tứ Kỳ;
- Bị cáo, người bào chữa cho b/c; UBND xã H;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân